

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hà Nội - Tháng 4 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty (sau đây gọi là "Công ty mẹ") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là "Công ty mẹ") là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Tên tiếng nước ngoài: Civil Engineering Construction Corporation 8.

Tên viết tắt: CIENCO 8.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 18 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội
2	Ban điều hành dự án đường Hồ Chí Minh	Số 61 Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
3	Ban điều hành dự án xây dựng cầu Thanh Trì, gói thầu số 3	Ngõ 83 đường Ngọc Hồi - quận Hoàng Mai - Hà Nội
4	Ban điều hành các dự án phía Nam	Khu phố 2 Phường Bình Đa, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
5	Trung tâm đào tạo Bồi dưỡng kỹ thuật và nghiệp vụ 8	36/252 phố Tây Sơn - Trung Liet - Đống Đa - Hà Nội
6	Chi nhánh Đào tạo nguồn nhân lực và Xuất khẩu lao động	Số 181 - đường Nguyễn Viết Xuân - phường Đống Đa - thành phố Vinh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc
7	Chi nhánh Xuất khẩu Lao động và Hợp tác Quốc tế	Km 233 QL1A - Thanh Châu - Phú Lý - Hà Nam
8	Chi nhánh đào tạo và Cung ứng lao động quốc tế	Thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội
9	Công ty Vật tư và Xây dựng công trình	Số 18 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên	Ông Đỗ Thái Hưng	Chủ tịch
	Ông Vũ Hải Thanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 30/6/2012)
	Ông Nguyễn Văn Đẩu	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 30/6/2012)
	Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)
	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)
	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Hải Thanh	Tổng Giám đốc
	Ông Dương Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn Thiệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Ngọc Phát	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

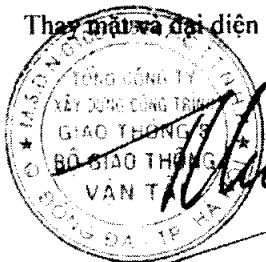
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ - Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hải Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

Số. 350 /2013/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26/4/2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (gọi tắt là "Công ty mẹ") từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán: kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến hạn chế: không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty; không thực hiện kiểm toán của 04 đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty nên không đưa ra nhận xét số liệu của các đơn vị này; công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu đầy đủ; tiền cổ tức đã ghi nhận khoảng 1,223 tỷ đồng chưa có biên bản đại hội cổ đông; chưa phân tích tuổi nợ để làm cơ sở trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ trả trước cho người bán, tạm ứng, phải trả khác tại thời điểm 31/12/2012. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu của các số dư chưa có đối chiếu cũng như các ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác và các thông tin có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét việc trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó thu hồi. Theo quan điểm của Tổng Công ty, thời điểm 30/6/2013 Công ty mẹ phải thực hiện cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, khi đó phải đối chiếu 100% công nợ, mọi khoản trích lập dự phòng phải được hoàn nhập, nên thời điểm 31/12/2012 Tổng Công ty cũng không thực hiện trích nữa.

Đến thời điểm lập Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Do đó Tổng Công ty chưa thực hiện để trích lập dự phòng các khoản đầu tư liên quan. Kiểm toán viên chưa đưa ra được số liệu cụ thể ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng Công ty.

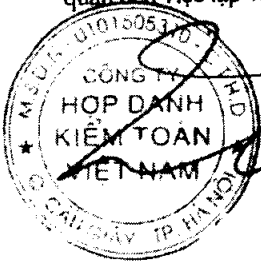
Hạn chế trong xử lý kế toán

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã hết doanh thu với số tiền là 12.633.799.930 đồng đang được theo dõi trên tài khoản Phải thu khác của Công ty Vật tư và Xây dựng Công trình do Kiểm toán nhà nước thực hiện điều chỉnh. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa thực hiện xử lý tài chính đối với số dư này, do đó chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các khoản chi phí này đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 ra Quyết định số 215/QĐ-TCT8 ngày 19/05/2010 về việc sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh phía Nam vào Ban điều hành các dự án Phía Nam. Theo đó, Ban Điều hành các dự án Phía Nam có trách nhiệm tiếp nhận nguyên trạng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, vốn, tài sản... của Chi nhánh phía Nam và thực hiện cộng hợp vào Báo cáo tài chính của Ban Điều hành Phía Nam. Số liệu bàn giao chưa được thực hiện kiểm kê tài sản cố định hữu hình và Ban Điều hành Phía Nam chỉ ghi nhận tăng tài sản cố định và không tính khấu hao đối với khoản phát sinh này từ khi nhận bàn giao. Đồng thời, số liệu bàn giao của Chi nhánh phía Nam chưa được xử lý và còn tồn tại ngày 31/12/2012 gồm số dư hàng tồn kho là 3.697.960.999 đồng, Chi phí trả trước ngắn hạn là 14.326.530.252 đồng, chi phí trả trước dài hạn là 1.774.274.620 đồng, tạm ứng là 679.878.439 đồng. Do chưa có quyết định xử lý các số liệu bàn giao nêu trên, nên chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các số liệu bàn giao từ năm 2009 của Chi nhánh phía Nam đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Tổng Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
 Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
 Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.313.519.593.379	1.294.563.445.139
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	85.997.256.585	48.879.565.822
1. Tiền	111		85.997.256.585	48.879.565.822
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.034.119.718.061	1.043.121.203.449
1. Phải thu khách hàng	131		109.208.580.601	218.117.347.378
2. Trả trước cho người bán	132		827.326.050.971	681.013.859.154
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		42.432.311.560	19.011.263.992
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	55.152.774.929	124.978.732.925
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	127.291.067.186	152.598.547.442
1. Hàng tồn kho	141		127.291.067.186	152.598.547.442
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		66.111.551.547	49.964.128.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.326.530.252	14.594.442.790
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.221.669.588	14.084.153.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		56.527.310	58.421.191
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	23.506.824.397	21.227.110.760
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		237.373.877.101	243.859.052.901
I Các khoản phải thu dài hạn	210		2.765.021.014	96.000.000
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		2.438.501.753	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		326.519.261	96.000.000
II Tài sản cố định	220		70.651.130.669	80.571.843.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	46.571.582.034	57.985.865.181
- Nguyên giá	222		92.238.234.409	98.670.474.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.666.652.375)	(40.684.609.090)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	24.079.548.635	22.585.978.231
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	112.621.267.601	110.074.441.576
1. Đầu tư vào công ty con	251		88.192.034.101	85.742.284.101
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.026.560.000	14.162.157.475
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.402.673.500	10.170.000.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		51.336.457.817	53.116.767.913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	51.336.457.817	52.066.767.913
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.050.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.550.893.470.480	1.538.422.498.040



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.382.757.776.896	1.368.461.011.524
I- Nợ ngắn hạn	310		1.310.917.310.432	1.239.120.415.608
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	162.974.548.186	141.460.832.249
2. Phải trả người bán	312		112.279.295.845	110.137.511.090
3. Người mua trả tiền trước	313		787.225.839.728	623.093.013.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	14.410.531.315	10.085.328.480
5. Phải trả người lao động	315		1.991.428.307	1.583.646.198
6. Chi phí phải trả	316	5.11	151.894.099.617	77.129.169.818
7. Phải trả nội bộ	317		14.503.062.482	46.856.659.738
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.12	57.162.318.919	218.458.315.658
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.476.186.033	10.315.938.691
II- Nợ dài hạn	330		71.840.466.464	129.340.595.916
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		14.012.625.917	41.385.040.582
3. Phải trả dài hạn khác	333		463.100.000	2.112.320.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	5.414.674.516	26.610.053.733
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	63.631.798
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		51.950.066.031	59.169.549.803
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		168.135.693.584	169.961.486.516
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	168.135.693.584	169.961.486.516
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.719.879.184	121.008.060.815
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.114.876.449
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	20.627.390.623
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.277.416.908	5.550.049.743
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.463.670.575	17.627.449.818
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		6.674.726.917	4.033.659.068
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.550.893.470.480	1.538.422.498.040

Người lập

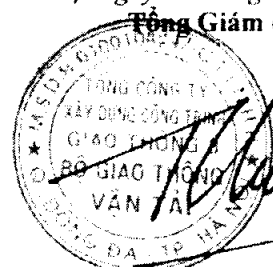
Đỗ Đình Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Hà Nội ngày 26 tháng 4 năm 2013

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		745.149.301.604	816.067.217.111
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	20.515.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	745.149.301.604	816.046.702.111
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	719.102.608.345	781.994.864.981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.046.693.259	34.051.837.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	19.560.062.730	19.942.180.488
7. Chi phí tài chính	22	5.18	28.872.298.081	8.967.353.601
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.430.532.433	4.334.837.466
8. Chi phí bán hàng	24		26.738.534	360.778.350
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.758.778.835	38.369.471.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(18.051.059.461)	6.296.414.579
11. Thu nhập khác	31	5.19	28.905.178.465	288.678.940
12. Chi phí khác	32	5.20	7.844.883.991	169.193.673
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		21.060.294.474	119.485.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.009.235.013	6.415.899.846
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	971.078.760	1.847.579.119
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.038.156.253	4.568.320.727

Hà Nội ngày 26 tháng 4 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

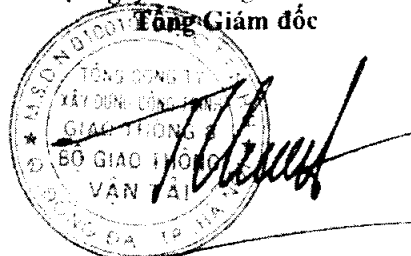
Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Dương



Nguyễn Văn Thành



Vũ Hải Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

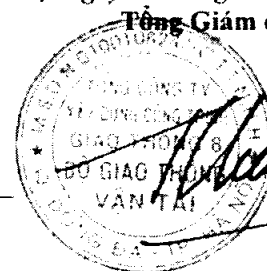
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	3.009.235.013	6.415.899.846
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.775.925.726	6.831.632.580
- Các khoản dự phòng	03	-	(13.986.018)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.939.018.433)	(1.759.612.593)
- Chi phí lãi vay	06	28.430.532.433	4.334.837.466
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	25.276.674.739	15.808.771.281
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.413.850.271)	(57.521.012.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.307.480.256	(4.590.319.961)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.531.184.131)	79.018.882.918
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	998.222.634	(22.563.757.324)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.189.656.375)	(1.043.085.910)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(590.887.812)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(2.914.581.292)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</i>	20	23.447.686.852	5.604.009.656
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. <i>Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</i>	21	(2.316.617.676)	(4.140.907.519)
2. <i>Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</i>	22	5.621.044.297	288.678.940
5. <i>Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	25	(3.684.826.025)	-
6. <i>Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	26	1.138.000.000	-
7. <i>Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia</i>	27	9.901.047.217	1.759.612.593
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	10.658.647.813	(2.092.615.986)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. <i>Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được</i>	33	203.232.712.574	165.110.437.522
4. <i>Tiền chi trả nợ gốc vay</i>	34	(202.914.375.854)	(177.923.525.246)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	318.336.720	(12.813.087.724)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	34.424.671.385	(9.301.694.054)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	48.879.565.822	61.520.593.551
<i>Ảnh hưởng của TĐ TGHĐ quy đổi ngoại tệ</i>	61	2.693.019.378	(3.339.333.675)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	85.997.256.585	48.879.565.822

Hà Nội ngày 26 tháng 4 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Dương

Nguyễn Văn Thành

Vũ Hải Thanh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là “Công ty mẹ”) là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, quốc phòng, điện;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đồ mộc;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị công nghệ tin học;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, văn phòng làm việc (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị y tế;
- Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ;
- Vận tải khách bằng xe du lịch và taxi;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ nhờn;
- Lắp ráp xe máy;
- Lắp ráp, bảo trì thang máy;
- Sản xuất, lắp ráp ốc quy các loại;
- Mua, bán thiết bị truyền thông, truyền hình;
- Xuất khẩu lao động (Hoạt động theo giấy phép số 89/LĐTBXH-GP của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội)
- Sản xuất, lắp ráp động cơ, khung và phụ tùng xe máy;
- Xây dựng nhà các loại
- Kinh doanh bất động sản
- Đầu tư các công trình, dự án giao thông theo hình thức BOT
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng và kiến trúc các cụm dân cư, đô thị mới;
- Đào tạo lái xe ô tô (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khảo sát địa chất công trình
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ
- Thiết kế xây dựng công trình: nền, mặt đường, đường ô tô; bến bãi, ngầm tràn thoát nước và các công trình phụ trợ khác trên đường;
- Thiết kế công trình thủy lợi
- Giám sát thi công xây dựng và hồn thiện công trình dân dụng và công nghiệp
- Thi nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
TSCĐ hữu hình khác	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty mẹ - Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ - Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.285.375.483	3.176.680.714
Tiền gửi Ngân hàng	82.711.881.102	44.397.673.100
Tổng	85.997.256.585	48.879.565.822

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu cổ phần hóa	-	113.022.954
Dự án G1 - Vĩnh Long	5.553.342.291	48.345.630.871
Dự án G3- Cầu Thanh Trì	-	39.139.767.032
BĐH Liên danh gói thầu PK1A	7.446.101.293	4.300.790.785
BĐH Liên danh gói thầu PK1C	22.748.048.151	8.697.725.770
BĐH Liên danh gói thầu số 3 DA vành đai 3 GĐ2	574.471.703	1.391.204.274
BĐH Dự án nhà ga T2 Nội Bài	3.904.881.995	-
BĐH Liên danh gói PK2 Hà Nội - Thái Nguyên	-	1.213.857.767
Công ty Vật tư Xây dựng Công trình	12.633.799.930	-
Phải thu khác	2.292.129.566	21.776.733.472
Tổng	55.152.774.929	124.978.732.925

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.441.143.998	25.685.211.207
Công cụ, dụng cụ	219.238.336	33.582.452
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	106.630.684.852	126.879.753.783
Tổng	127.291.067.186	152.598.547.442

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	62.222.916	35.612.981
Tạm ứng	23.444.601.481	21.191.497.779
	23.506.824.397	21.227.110.760

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Chi tiết theo công trình</i>		
Công trình nhà điều hành Mai Dịch	4.966.344.203	4.969.285.748
Công trình trường trung cấp nghề	19.113.204.432	17.616.692.483
Tổng	24.079.548.635	22.585.978.231

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị DCQL	TSCĐ khác	Tổng
	Nhà cửa VKT	Máy móc thiết bị			
Số dư tại 01/01/2012	32.809.937.054	40.703.723.549	5.369.674.972	11.029.086.696	98.670.474.271
Tăng trong năm	-	146.221.955	173.748.716	-	1.960.843.773
Mua mới trong năm	-	146.221.955	94.723.681	-	877.592.727
Nhận điều chuyển từ BQL thuộc TCT	-	-	-	-	345.073.000
Phân loại lại tài sản	-	-	79.025.035	-	738.178.046
Giảm trong năm	6.517.989.241	1.021.861.457	-	508.160.407	8.393.083.635
Thanh lý nhượng bán	6.517.989.241	-	-	471.493.741	7.334.555.512
Giảm khác	-	1.021.861.457	-	36.666.666	1.058.528.123
Số dư tại 31/12/2012	26.291.947.813	39.828.084.047	5.543.423.688	10.520.926.289	92.238.234.409
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2012	10.632.673.555	11.143.654.386	2.165.579.589	8.291.776.336	40.684.609.090
Tăng trong năm	892.923.204	5.581.980.257	296.610.183	111.225.108	8.714.896.793
Khấu hao trong năm	892.923.204	5.581.980.257	243.288.957	111.225.108	7.775.925.726
Phân loại lại tài sản	-	-	53.321.226	-	938.971.067
Giảm trong năm	1.682.669.902	1.176.941.469	-	513.624.607	3.732.853.508
Thanh lý, nhượng bán	1.682.669.902	-	-	471.493.741	2.499.236.173
Giảm khác	-	1.176.941.469	-	42.130.866	1.233.617.335
Số dư tại 31/12/2012	9.842.926.857	15.548.693.174	2.462.189.772	7.889.376.837	45.666.652.375
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	22.177.263.499	29.560.069.163	3.204.095.383	2.737.310.360	57.985.865.181
Tại 31/12/2012	16.449.020.956	24.279.390.873	3.081.233.916	2.631.549.452	46.571.582.034

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

28.604.550.621 đồng
17.609.362.220 đồng



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con		88.192.034.101		85.742.284.101
Công ty Cổ phần 809	153.150	1.531.500.000	153.150	1.531.500.000
Công ty Cổ phần 810	944.380	9.443.800.000	944.380	9.443.800.000
Công ty Cổ phần 820	608.500	6.085.000.000	608.500	6.085.000.000
Công ty Cổ phần 829	1.023.023	10.230.228.064	1.023.023	10.230.228.064
Công ty Cổ phần 842	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần 873	1.606.200	16.062.000.000	1.606.200	16.062.000.000
Công ty Cổ phần 874	657.600	6.576.000.000	657.600	6.576.000.000
Công ty Công trình Giao thông 875	364.343	3.643.427.722	364.343	3.643.427.722
Công ty Cổ phần 889	365.670	3.656.700.000	365.670	3.656.700.000
Công ty Công trình Giao thông 892	557.159	5.571.586.125	557.159	5.571.586.125
Công ty Cổ phần Cầu 75	717.204	7.172.042.190	717.204	7.172.042.190
Công ty Liên doanh Miền Trung	244.975	2.449.750.000	244.975	-
Công ty Cổ phần Miền Tây	325.000	3.250.000.000	325.000	3.250.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn 8	268.800	2.688.000.000	268.800	2.688.000.000
Công ty CP Xây dựng Giao thông Việt Lào	383.200	3.832.000.000	383.200	3.832.000.000
Góp vốn liên doanh		-		1.138.000.000
Công ty Liên doanh Miền Trung		-		1.138.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		13.026.560.000		13.024.157.475
Công ty Cổ phần 808		200.000.000		200.000.000
Công ty CP XD CTGT 838	786.900	7.869.000.000	786.900	7.869.000.000
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Xây dựng 868	3.600	36.000.000	3.600	36.000.000
Công ty Cổ phần 872	285.350	2.853.500.000	285.350	2.853.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 886 - Thành Nam	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần 898-Cienco8	6.806	68.060.000	6.806	65.657.475
Đầu tư dài hạn khác		11.402.673.500		10.170.000.000
Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Cổ phiếu	1.017.000	10.170.000.000	1.017.000	10.170.000.000
		1.232.673.500	-	-
Dự phòng giảm giá ĐTTCDH		-		-
Tổng		112.621.267.601		110.074.441.576

Thông tin về công ty con

Công ty	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu theo thực tế
Công ty 829	Xây dựng	11.730.560.224	87,21%	87,21%
Công ty 875	Xây dựng	5.001.755.936	72,84%	72,84%
Công ty 892	Xây dựng	5.834.897.691	95,49%	95,49%
Công ty 75	Xây dựng	10.492.714.912	68,35%	68,35%
Công ty Cổ phần 809	Xây dựng	10.000.000.000	15,32%	15,32%
Công ty Cổ phần 810	Xây dựng	18.517.300.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần 842	Xây dựng	9.216.500.000	65,10%	65,10%
Công ty Cổ phần 873	Xây dựng	18.448.000.000	87,07%	87,07%
Công ty Cổ phần 874	Xây dựng	12.000.000.000	54,80%	54,80%
Công ty Cổ phần 889	Xây dựng	7.178.000.000	50,94%	50,94%
Công ty CP Xây dựng Giao thông Việt Lào	Xây dựng	7.500.000.000	51,09%	51,09%
Công ty Cổ phần Miền Tây	Xây dựng	5.735.550.000	56,66%	56,66%
Công ty Cổ phần Tư vấn 8	Xây dựng	5.247.410.000	51,23%	51,23%

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**Thông tin về công ty liên kết**

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu theo thực tế
Công ty Cổ phần 838	Xây dựng	16.844.600.000	46,72%	46,72%
Công ty Cổ phần 872	Xây dựng	5.823.500.000	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần 808	Xây dựng	16.000.000.000	1,25%	1,25%
Công ty Cổ phần 886	Xây dựng	19.800.000.000	10,10%	10,10%
Công ty Cổ phần 868	Xây dựng	7.000.000.000	0,51%	0,51%
Công ty Cổ phần 898	Xây dựng	5.000.000.000	1,36%	1,36%

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ	2.036.858.152	2.090.884.128
Chi phí bảo lãnh công trình	49.299.599.665	47.030.828.325
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	2.945.055.460
	51.336.457.817	52.066.767.913

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	133.330.566.370	118.941.874.456
Ngân hàng Xuất nhập khẩu - CN Cầu Giấy	-	16.478.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hà Nội	90.110.983.614	30.054.707.420
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Đồng Đô	20.940.812.020	17.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Sở Giao dịch	-	21.405.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN HCM	-	1.781.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.559.556.195	14.114.556.195
Quỹ Hỗ trợ Phát triển - CN Vĩnh Long	1.453.130.141	1.453.130.141
Vay cá nhân	10.266.084.400	13.155.480.700
Nợ dài hạn đến hạn trả	29.643.981.816	22.518.957.793
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	2.806.510.516	3.404.708.600
- CN Đồng Đô (USD)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	5.138.697.762	3.797.120.404
- CN Đồng Đô (JPY)		
Ngân hàng Phát triển VN - Sở Giao dịch 1	5.487.465.691	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hà Nội	704.512.386	633.333.328
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	1.116.452.803	1.629.452.803
- CN Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty 892)		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	6.290.342.658	7.654.342.658
- CN Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty 874)		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN	8.100.000.000	5.400.000.000
Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty Hữu Nghi)		
Tổng	162.974.548.186	141.460.832.249

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.094.337.497	4.915.124.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.744.014.696	3.556.720.705
Thuế thu nhập cá nhân	281.931.350	193.876.120
Thuế tài nguyên	369.829.744	267.086.400
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.127.309.000	375.559.000
Các loại thuế khác	793.109.028	776.961.715
Tổng	14.410.531.315	10.085.328.480

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình	151.894.099.617	77.129.169.818
Tổng	151.894.099.617	77.129.169.818

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	504.690.295	394.184.262
Bảo hiểm xã hội	2.591.547.909	356.745.843
Bảo hiểm y tế	5.752.470	-
Phải trả về cổ phần hóa	490.023.810	161.246.764
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.570.304.435	217.546.138.789
<i>BĐH Dự án nhà ga T2 Nội Bài</i>	-	35.856.189.810
<i>Công ty CP XD DV và TM 68</i>	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Công ty CP Tập đoàn Đầu tư</i>	1.500.000.000	-
<i>Xây dựng Nhà đất</i>	-	-
<i>Ban điều hành Liên danh</i>	1.436.265.772	-
<i>Gói PK2 Hà Nội - Thái Nguyên</i>	-	-
<i>Tạm ứng của các chủ nhiệm công trình</i>	12.412.806.832	10.971.756.259
<i>Chi phí thực tế đã phát sinh chờ bù giá</i>	5.466.053.622	5.256.022.378
<i>Phải trả khác</i>	30.255.178.209	162.962.170.342
Tổng	57.162.318.919	218.458.315.658

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	1.710.853.562	4.093.046.979
- CN Đông Đô (JPY)	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	-	6.353.346.825
- CN Đông Đô (USD)	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hà Nội	403.820.954	1.037.154.282
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN	3.300.000.000	14.280.007.400
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN HCM	-	846.498.247
Tổng	5.414.674.516	26.610.053.733

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vốn chủ sở hữu

Mẫu B 09-DN

Đổi chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	153.628.145.843	-	4.454.210.124	-	-	14.255.955.558	172.338.311.525
Tăng trong năm	-	4.033.659.068	1.107.312.569	20.627.390.623	5.550.049.743	4.568.320.727	35.886.732.730
Điều chỉnh khác	-	-	-	20.627.390.623	5.550.049.743	-	26.177.440.366
CLTG cuối năm	-	-	1.107.312.569	-	-	-	1.107.312.569
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.568.320.727	4.568.320.727
Tăng khác	-	4.033.659.068	-	-	-	-	4.033.659.068
Giảm trong năm	32.620.085.028	-	4.446.646.244	-	-	1.196.826.467	38.263.557.739
Điều chỉnh khác	32.620.085.028	-	-	-	-	-	32.620.085.028
Giảm khác	-	-	4.446.646.244	-	-	1.196.826.467	5.643.472.711
Số dư tại 31/12/2011	121.008.060.815	4.033.659.068	1.114.876.449	20.627.390.623	5.550.049.743	17.627.449.818	169.961.486.516
Số dư tại 01/01/2012	121.008.060.815	4.033.659.068	1.114.876.449	20.627.390.623	5.550.049.743	17.627.449.818	169.961.486.516
Tăng trong năm	24.711.818.369	2.641.067.849	-	1.055.090.029	727.367.165	(538.294.675)	28.597.048.737
Tăng vốn trong năm	24.711.818.369	-	-	1.055.090.029	727.367.165	-	26.494.275.563
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.038.156.253	2.038.156.253
Tăng khác	-	2.641.067.849	-	-	-	-	2.641.067.849
Điều chỉnh theo KTTN	-	-	-	-	-	(2.576.450.928)	(2.576.450.928)
Giảm trong năm	-	-	1.114.876.449	21.682.480.652	-	7.625.484.568	30.422.841.669
Giảm khác	-	-	1.114.876.449	21.682.480.652	-	136.597.691	22.933.954.792
Điều chỉnh theo KTTN	-	-	-	-	-	215.215.231	215.215.231
Trích quỹ	-	-	-	-	-	7.273.671.646	7.273.671.646
Số dư tại 31/12/2012	145.719.879.184	6.674.726.917	-	-	6.277.416.908	9.463.670.575	168.135.693.584



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	702.667.050.065	762.872.163.854
Doanh thu bán hàng hóa	29.851.263.678	33.108.889.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.630.987.861	12.305.160.240
Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	7.781.003.283
Tổng	745.149.301.604	816.067.217.111
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	20.515.000
Doanh thu thuần	745.149.301.604	816.046.702.111

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của công trình xây lắp	677.698.153.326	737.755.541.854
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.810.589.433	32.059.905.223
Giá vốn của của dịch vụ đã cung cấp	8.593.865.586	4.398.414.621
Giá vốn xây lắp	-	7.781.003.283
Tổng	719.102.608.345	781.994.864.981

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.817.325.755	1.759.612.593
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(815.759.220)	(889.712.630)
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.971.095.862	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	2.503.678.871	17.226.401.470
Doanh thu tài chính khác	6.083.721.462	1.845.879.055
Tổng	19.560.062.730	19.942.180.488

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	28.430.532.433	4.334.837.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá	441.074.648	4.632.488.635
Chi phí tài chính khác	691.000	27.500
Tổng	28.872.298.081	8.967.353.601

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu tiền xuất bán vật tư	567.979.071	-
Bảo hiểm thanh toán bồi thường 3 dầm Super T	983.761.203	-
Thu thanh lý TSCĐ	10.456.363.636	-
Xử lý công nợ	15.922.593.446	-
Thu nhập khác	974.481.109	288.678.940
Tổng	28.905.178.465	288.678.940

5.20 Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Xử lý công nợ	2.881.138.682	-
Giá trị còn lại của TSCĐ	4.835.319.339	-
Chi phí khác	128.425.970	169.193.673
Tổng	7.844.883.991	169.193.673

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012
	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế VP TCT	4.231.977.733
Lợi nhuận kế toán trước thuế của các đơn vị trực thuộc	(1.222.742.720)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế toàn Tổng Công ty	3.009.235.013
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	875.080.028
- Các khoản điều chỉnh tăng	875.080.028
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.884.315.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	971.078.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	971.078.760

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.997.256.585	48.879.565.822
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.361.355.530	343.096.080.303
Đầu tư dài hạn khác	11.402.673.500	10.170.000.000
Cộng	261.761.285.615	402.145.646.125
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	168.389.222.702	168.070.885.982
Phải trả người bán và phải trả khác	169.904.714.764	330.708.146.748
Chi phí phải trả	151.894.099.617	77.129.169.818
Cộng	490.188.037.083	575.908.202.548

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT - BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 về việc Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh công cụ thông tin công cụ tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Văn phòng Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá.

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Các khoản vay	162.974.548.186	5.414.674.516	168.389.222.702
Phải trả người bán và phải trả khác	169.441.614.764	463.100.000	169.904.714.764
Chi phí phải trả	151.894.099.617	-	151.894.099.617
Cộng	484.310.262.567	5.877.774.516	490.188.037.083
01/01/2012			
Các khoản vay	141.460.832.249	26.610.053.733	168.070.885.982
Phải trả người bán và phải trả khác	169.441.614.764	2.112.320.000	171.553.934.764
Chi phí phải trả	77.129.169.818	-	77.129.169.818
Cộng	388.031.616.831	28.722.373.733	416.753.990.564

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.997.256.585	-	85.997.256.585
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.361.355.530	-	164.361.355.530
Đầu tư dài hạn khác	11.402.673.500	-	11.402.673.500
Cộng	261.761.285.615		261.761.285.615
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.879.565.822	-	48.879.565.822
Phải thu khách hàng và phải thu khác	343.096.080.303	-	343.096.080.303
Đầu tư dài hạn khác	10.170.000.000	-	10.170.000.000
Cộng	402.145.646.125		402.145.646.125

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan**Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND
---------------	---------------------	-----------------

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.580.040.800
---	--	---------------

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch bán hàng				
CN XKLD và Hợp tác Quốc tế (Hà Nam)	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	344.300.000	173.200.000
CN Đào tạo và Cung ứng LĐ Quốc tế	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	150.000.000	100.000.000
CN Đào tạo nguồn nhân lực & XKLD Vĩnh Phúc	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	305.500.000	308.700.000
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 829	Công ty con	DT Quỹ QLCT	(2.765.925.945)	-
Công ty CP Xây dựng CTGT 808	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị Bê tông	930.269.231 2.747.521.163	752.923.077 1.325.802.160
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 819	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị	953.846.154	1.465.230.769
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 820	Công ty con	Bê tông DT Quỹ QLCT	1.560.010.217 -	242.334.082 (306.936.007)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 875	Công ty con	Cho thuê thiết bị DT Quỹ QLCT	309.101.397 -	- (497.668.137)
Công ty CP ĐTXD & TM 886	Công ty liên kết	Bê tông	719.008.137	203.308.111
Công ty CP ĐT và XD 898	Công ty liên kết	Bê tông	136.353.094	847.293.776
Công ty CP XD Miền Tây	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị	684.107.693	874.153.846
Công ty Vật tư và Xây dựng Công trình	Đơn vị phụ thuộc	Cho thuê thiết bị Bê tông	162.153.846 371.978.126	526.038.461 349.808.557
Công ty Cầu 75	Công ty con	Bê tông DT Quỹ QLCT	2.604.130.562 -	- (1.100.259.333)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 838	Công ty liên kết	Nhựa đường	-	4.057.232.000
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 892	Công ty con	DT Quỹ QLCT	-	(47.799.616)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT Việt Lào	Công ty con	Cho thuê thiết bị	-	397.615.385
Tổng			9.212.353.675	9.670.977.131

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch bán hàng				
CN XKLD và Hợp tác Quốc tế (Hà Nam)	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	344.300.000	173.200.000
CN Đào tạo và Cung ứng LD Quốc tế	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	150.000.000	100.000.000
CN Đào tạo nguồn nhân lực & XKLD Vĩnh Phúc	Đơn vị phụ thuộc	DT Quỹ QLCT	305.500.000	308.700.000
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 829	Công ty con	DT Quỹ QLCT	(2.765.925.945)	-
Công ty CP Xây dựng CTGT 808	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị Bê tông	930.269.231 2.747.521.163	752.923.077 1.325.802.160
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 819	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị	953.846.154	1.465.230.769
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 820	Công ty con	Bê tông DT Quỹ QLCT	1.560.010.217 -	242.334.082 (306.936.007)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 875	Công ty con	Cho thuê thiết bị DT Quỹ QLCT	309.101.397 -	- (497.668.137)
Công ty CP ĐTXD & TM 886	Công ty liên kết	Bê tông	719.008.137	203.308.111
Công ty CP ĐT và XD 898	Công ty liên kết	Bê tông	136.353.094	847.293.776
Công ty CP XD Miền Tây	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị	684.107.693	874.153.846
Công ty Vật tư và Xây dựng Công trình	Đơn vị phụ thuộc	Cho thuê thiết bị Bê tông	162.153.846 371.978.126	526.038.461 349.808.557
Công ty Cầu 75	Công ty con	Bê tông DT Quỹ QLCT	2.604.130.562 -	- (1.100.259.333)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 838	Công ty liên kết	Nhựa đường	-	4.057.232.000
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 892	Công ty con	DT Quỹ QLCT	-	(47.799.616)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT Việt Lào	Công ty con	Cho thuê thiết bị	-	397.615.385
Tổng			9.212.353.675	9.670.977.131

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch				
		Gói 8 Lim - Phà Lại	5.688.701.157	314.661.896
		Gói 9 DA Láng	1.627.721.968	10.850.830.115
		Hòa Lạc		
Công ty Cầu 75	Công ty con	DA Vành đai 3 - GD2	79.351.848.245	63.075.500.127
		Gói PK2	3.347.009.428	-
		Gói 4 - Cầu Giẽ		8.922.328.153
		Ninh Bình	-	
Cộng			90.015.280.798	83.163.320.291
		Dự án TN5.2	4.522.476.517	7.651.319.643
Công ty Vật tư	Đơn vị	Gói PK2	13.207.840.439	15.346.481.452
và Xây dựng Công trình	phụ thuộc	Lương thợ máy	13.076.923	-
		Gói 3 Lim - Phà Lại	-	737.595.888
Cộng			17.743.393.879	23.735.396.983
		Gói 2 Quốc lộ 32	276.380.214	2.364.098.890
Công ty Cổ phần	Công ty con	Dự án PK1C	3.289.922.979	-
Xây dựng CTGT 810		Gói 9 A T2	-	1.964.127.494
		Dự án Vành đai 3	-	7.750.840.189
		(Sau BT)		
Cộng			3.566.303.193	12.079.066.573
		Gói 8 Lim - Phà Lại	1.066.920.364	-
		Gói XL51	324.549.497	3.420.847.622
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói PK2	4.097.638.343	1.932.305.243
Xây dựng CTGT 820		Gói 4-CG Ninh Bình	485.968.175	5.193.107.264
		Gói 18 cầu Thanh An	-	10.897.089.091
		thuộc DA HCM		
Cộng			5.975.076.379	21.443.349.220
Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Dự án Vành đai 3	259.055.455	1.988.421.922
Xây dựng CTGT 838		(sau BT)		
		Gói 4-CG Ninh Bình	5.896.954.483	5.955.486.173
Cộng			6.156.009.938	7.943.908.095
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói PK2	2.506.505.485	-
Xây dựng CTGT 875				
Cộng			2.506.505.485	-
		DA PK1C	1.756.538.454	-
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói XL51	447.863.846	2.084.872.800
Xây dựng CTGT 889		Gói 4 - CG Ninh Bình	1.097.302.447	999.318.784
		Gói 3 Lim - Phà Lại	-	666.527.798
Cộng			3.301.704.747	3.750.719.382
		DA TN5.2	6.374.382.025	5.898.438.769
Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Gói 10 Ba Sơn	535.692.577	-
Đầu tư XD & TM 886		Gói XL51	19.512.481.502	31.297.414.548
		Gói PK2	15.241.038.450	22.297.040.661
		Gói 2 Nội Bài Nhật Tân	997.338.039	-
Cộng			42.660.932.593	59.492.893.978
Công ty CP Đầu tư Thương	Công ty liên kết	Gói thầu CP5.1	227.914.165	-
mại và Xây dựng 879				
Cộng			227.914.165	-

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch mua hàng			
	Gói thầu CP 5.1	700.236.973	-
	DA TN5.2	1.640.954.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 898	Công ty liên kết	Gói 4-CG Ninh Bình	3.460.100.274
	Gói PK2	4.040.866.193	4.533.422.848
	Dự án Vành đai 3 (sau	81.820.829	2.505.151.778
Cộng		7.196.551.530	10.498.674.900
	Gói thầu BHC4	2.609.787.967	-
	Gói 11 Quốc lộ 21	21.952.153.772	2.615.944.549
	Gói 2 Quốc lộ 32	13.362.351.823	28.504.281.871
	DA Vành đai 3-GĐ 2	22.021.806.319	40.572.635.789
	Gói PK2	11.644.323.697	4.323.432.582
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 808	Công ty liên kết	Lương thợ máy	-
	Thuê trạm điện sx bê	304.545.455	-
	Gói 6 - Cầu Giẽ	-	2.373.881.326
	Ninh Bình		
	Dự án Vành đai 3 (sau BT)	-	3.468.337.920
	Gói 1A QL3	-	1.905.777.352
Cộng		71.994.122.879	83.764.291.389
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình 809	Công ty con	Gói PK2	2.408.467.996
	Gói thầu C P5.1	1.332.531.774	-
Cộng		1.453.717.979	2.408.467.996
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 842	Công ty con	Gói 4-CG Ninh Bình	-
	Gói 3 Lim - Phả Lại	-	1.378.226.773
	Gói 4 Lim - Phả Lại	-	1.837.352.310
Cộng		226.324.305	3.215.579.083
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và TM 819	Công ty liên kết	Gói PK2	1.975.890.922
	Lương thợ máy	76.923.077	-
Cộng		2.946.021.881	1.975.890.922
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	Công ty con	DA PK1A	193.308.550
	Lương thợ máy	103.090.669	-
	Gói 9 AT2	-	1.619.076.325
Cộng		3.705.881.751	1.812.384.875
Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và Đào tạo 8	Công ty liên kết	Gói thầu BHC4	-
	DA PK1A	4.291.439.180	232.115.204
	Gói 9 AT2	-	7.244.815.181
	Gói 6 - Cầu Giẽ Ninh	-	79.533.636
Cộng		6.576.209.917	7.556.464.021
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông 8	Công ty con	Gói 2 Nội bài Nhật Tân	-
	Dự án Vành đai 3 - GD2	-	1.365.581.527
Cộng		1.094.629.360	1.365.581.527
Công ty Hà Thành	Công ty liên kết	Gói 4 BVH	10.543.534.911
	Gói PK2	1.319.170.216	-
Cộng		2.925.636.099	10.543.534.911
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 818	Công ty liên kết	Gói PK2	946.575.441

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 892	Công ty con	Gói 4 - Cầu Giẽ Ninh Bình Dự án Vành đai 3 (Sau BT)	- 1.249.466.683 - 3.642.687.810
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 873	Công ty con	Gói 3 Lim - Phả Lại	- 1.010.954.596
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 874	Công ty con	Gói 4 - Cầu Giẽ Ninh Bình	- 1.819.700.767
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 829	Công ty con	Gói 3 Lim - Phả Lại	- 4.697.181.686
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT Việt Lào	Công ty con	Dự án TN 5.2	- 5.485.666.286
Tổng		270.272.216.878	352.655.181.974

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Người mua trả tiền trước - Tiền tạm ứng thi công các dự án theo điều kiện hợp đồng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 808	Công ty liên kết	6.466.474.941	23.567.280.943
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 809	Công ty con	4.667.847.455	1.676.744.953
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 810	Công ty con	46.028.266.644	43.317.701.160
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 818-CIENCO8	Công ty liên kết	145.008.015	152.465.007
Công ty CP ĐTXD và TM 819-CIENCO8	Công ty liên kết	3.310.048.396	2.347.974.233
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 820	Công ty con	45.723.932.458	43.473.011.516
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 829	Công ty con	3.216.670.938	6.046.334.235
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 838	Công ty liên kết	24.984.084.432	16.680.202.012
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 842	Công ty con	6.325.320.270	6.196.405.270
Công ty CP Tư vấn Công nghệ XD 868-Cienco8	Công ty liên kết	1.792.927.119	1.396.708.301
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 872	Công ty liên kết	4.596.898.173	4.596.898.173
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 873	Công ty con	15.836.932.584	5.939.785.529
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 874	Công ty con	49.155.175.536	32.695.628.095

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Người mua trả tiền trước - Tiền tạm ứng thi công các dự án theo điều kiện hợp đồng			
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 875	Công ty con	27.879.210.490	9.775.336.346
Công ty CP Đầu tư Thương mại và XD 879 - Cienco8	Công ty liên kết	4.212.096.485	500.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại 886	Công ty liên kết	4.577.677.733	-
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 889	Công ty con	21.893.242.626	21.922.416.143
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 892	Công ty con	41.818.473.189	25.193.874.118
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 898-CIENCO8	Công ty liên kết	3.600.861.955	3.198.390.456
Công ty Cầu 75	Công ty con	38.981.578.635	65.454.581.925
Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và đào tạo 8	Công ty liên kết	15.134.408.807	15.704.515.568
Công ty Hà Thành	Công ty liên kết	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông 8	Công ty con	8.852.715.645	7.089.489.459
Công ty Việt Lào	Công ty con	21.492.487.773	19.727.475.339
Công ty Vật tư Xây Dựng	Đơn vị phụ thuộc	38.219.467.582	35.826.097.744
Tổng đội Thanh niên Xung phong		-	77.982.253
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	Công ty con	37.044.973.742	-
Công ty Liên Doanh Miền Trung	Công ty con	21.614.551.690	-
Tổng		497.571.333.313	392.557.298.778
Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải trả người bán			
Công ty Quan Hệ Quốc tế	Công ty đầu tư	1.105.960.841	1.105.960.841
Công ty Hà Thành	Công ty liên kết	1.750.029.684	2.797.917.213
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại 886	Công ty liên kết	-	10.499.549.751
Tổng		2.855.990.525	14.403.427.805

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Số liệu so sánh

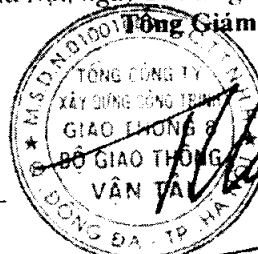
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập và Kiểm toán Nhà nước.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Dương

Nguyễn Văn Thành

Vũ Hải Thanh

SAO Y BẢN CHÍNH
Số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20...



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG
Lê Thị An Hải



SỐ: 01/2013/UQ/CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2013

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên,

Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký hợp đồng cung cấp các dịch vụ chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trong Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Tổng Giám đốc**, Số chứng minh thư nhân dân: 012435891 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/01/2002, là người đại diện theo pháp luật của **Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam**, địa chỉ: Số 17 Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên - Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội. Bằng văn bản này Ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam**, Số chứng minh thư nhân dân: 013155888 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/4/2009, thực hiện ký tất cả các hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyên ngành, cụ thể như sau:

- Ký hợp đồng kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính, tư vấn thuế, tư vấn tài chính có giá trị phí kiểm toán từ 800 triệu đồng trở xuống;
- Ký hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa có giá trị phí từ 400 triệu đồng trở xuống;
- Ký hợp đồng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng có giá trị phí kiểm toán từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị từ 250 triệu đồng trở xuống.

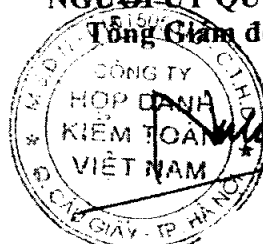
Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi Ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam**. Ông **Nguyễn Anh Tuấn** chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2013 đến khi có Ủy quyền khác thay thế Ủy quyền này. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

NGƯỜI ỦY QUYỀN
Tổng Giám đốc



Nguyễn Phú Hà